

THÔNG TƯ

Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc kiểm tra, chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt như sau:

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các loại phương tiện giao thông đường sắt nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi và trong quá trình khai thác trên các mạng đường sắt sau:

- Đường sắt quốc gia;
- Đường sắt đô thị;
- Đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;
- Đường sắt chuyên dùng không nối ray với đường sắt quốc gia có đi qua khu dân cư, giao cắt với đường bộ.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi và khai thác phương tiện giao thông đường sắt sử dụng trên các mạng đường sắt quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phương tiện giao thông đường sắt* (sau đây gọi tắt là phương tiện) là đầu máy, toa xe, toa xe động lực, phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt;
2. *Toa xe động lực* là toa xe có lắp động cơ để tự di chuyển trên đường sắt;
3. *Phương tiện chuyên dùng* là ô tô ray, goòng máy, cần trục, máy chèn đường, máy kiểm tra đường và phương tiện khác có thể di chuyển trên đường sắt;
4. *Tổng thành* là động cơ Diesel, máy phát điện chính, động cơ điện kéo, giá chuyển hướng, van hãm, bộ móc nối đỡ đệm;
5. *Hệ thống* là hệ thống hãm, hệ thống truyền động, hệ thống điện;
6. *Hoán cải* là việc thay đổi tính năng sử dụng của phương tiện hoặc thay đổi cấu tạo và đặc tính kỹ thuật khác với thiết kế ban đầu đối với động cơ Diesel, động cơ điện kéo, giá chuyển hướng, hệ thống hãm, bộ móc nối đỡ đệm;
7. *Sản phẩm* là phương tiện hoặc tổng thành, hệ thống;
8. *Cơ sở thiết kế* là tổ chức có tư cách pháp nhân, có đăng ký kinh doanh ngành nghề thiết kế phương tiện giao thông đường sắt phù hợp với các quy định hiện hành;
9. *Cơ sở sản xuất* là doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi, sửa chữa phương tiện có đủ điều kiện theo quy định hiện hành.

Chương 2.

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Căn cứ để kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

Căn cứ để kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi tắt là kiểm tra) bao gồm:

1. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;
2. Hồ sơ thiết kế hoặc hồ sơ kỹ thuật.

Điều 4. Loại hình kiểm tra

Việc kiểm tra bao gồm các loại hình sau:

1. Kiểm tra sản phẩm nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp;
2. Kiểm tra sản phẩm hoán cải, phục hồi;
3. Kiểm tra định kỳ phương tiện;
4. Kiểm tra bất thường.

Điều 5. Hồ sơ thiết kế

Hồ sơ thiết kế do cơ sở thiết kế hoặc cơ sở sản xuất có đủ điều kiện thiết kế theo quy định lập thành 03 bộ gửi tới các cơ quan đăng kiểm để thẩm định. Hồ sơ thiết kế được quy định như sau:

1. Đối với phương tiện sản xuất, lắp ráp, hồ sơ thiết kế gồm có:

a) Bản vẽ kỹ thuật:

- Bản vẽ tổng thể của phương tiện;
- Bản vẽ lắp đặt tổng thành, hệ thống;
- Bản vẽ và thông số kỹ thuật của tổng thành, hệ thống sản xuất trong nước;
- Bản thông số kỹ thuật của tổng thành, hệ thống nhập khẩu.

b) Bản thuyết minh, tính toán:

- Thuyết minh đặc tính kỹ thuật cơ bản của phương tiện;
- Tính toán động lực học: tính êm dịu vận hành, tính an toàn chống lật và chống trật bánh;
- Tính toán sức kéo (áp dụng đối với đầu máy, toa xe động lực hoặc phương tiện động lực khác);
- Tính toán kiểm nghiệm sức bền của bộ xe, thân toa xe và giá xe của đầu máy hoặc phương tiện động lực;
- Tính toán kiểm nghiệm hãm.

2. Đối với tổng thành sản xuất, lắp ráp, hồ sơ thiết kế gồm có:

a) Bản vẽ tổng thể của sản phẩm;

b) Bản thuyết minh đặc tính kỹ thuật của sản phẩm.

3. Đối với phương tiện hoán cải, hồ sơ thiết kế gồm có:

- a) Bản vẽ tổng thể của phương tiện trước và sau hoán cải;
- b) Tài liệu kỹ thuật của tổng thành, hệ thống được sử dụng để hoán cải;
- c) Bản thuyết minh, tính toán liên quan đến nội dung hoán cải.

Điều 6. Thẩm định thiết kế

1. Việc thẩm định hồ sơ thiết kế được thực hiện đối với các sản phẩm trước khi sản xuất, lắp ráp lần đầu hoặc hoán cải.

2. Thẩm định thiết kế là việc xem xét, đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế sản phẩm với các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Việc thẩm định thiết kế được thực hiện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kéo dài thời gian thẩm định do yêu cầu bổ sung hồ sơ thiết kế thì cơ quan đăng kiểm phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở thiết kế hoặc cơ sở sản xuất.

3. Sau khi thẩm định, hồ sơ thiết kế được chuyển tới cơ sở thiết kế hoặc cơ sở sản xuất, chủ phương tiện và lưu trữ tại cơ quan đăng kiểm.

Điều 7. Kiểm tra sản phẩm sản xuất, lắp ráp

1. Hồ sơ kỹ thuật sử dụng trong quá trình kiểm tra bao gồm:

a) Hồ sơ thiết kế của sản phẩm đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định;